| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 4 – AN GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số:**42**/2026/HNGĐ-ST.
Ngày: 20/03/2026
Về việc: "Xin ly hôn và nuôi con chung".

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - AN GIANG**

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông **Trương Thanh Toàn**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Cao Minh Trung.**

2. Ông **Phạm Văn Tài.**

- Thư ký phiên toà: Ông **Lê Quốc Tững** - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 4 – An Giang.

Trong ngày 20 tháng 03 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 – An Giang xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 91/2026/TLST - HNGĐ, ngày 24 tháng 02 năm 2026 về việc: "Xin Ly hôn và nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2026/QĐXXST - HNGĐ ngày 12 tháng 03 năm 2026.

**1. Nguyên đơn:** Chị **Mai Thị M**, sinh năm 1995 (Có mặt).

Địa chỉ: ấp V, xã H, tỉnh An Giang.

**2. Bị đơn:** Anh **Viên Phước T**, sinh năm 1982 (Có đơn xin xử vắng mặt).

Địa chỉ: ấp V, xã H, tỉnh An Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa nguyên đơn chị Mai Thị M trình bày như sau: Chị Mai Thị M và anh Viên Phước T tự tìm hiểu yêu thương nhau, được hai bên gia đình thống nhất tổ chức đám cưới vào năm 2020, chị M và anh T không có đăng ký kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc và anh, chị đã có 01 con chung tên Mai Anh K, sinh ngày 12 tháng 10 năm 2022. Đến khoảng đầu năm 2025 vợ

chồng anh, chị thường hay bất đồng quan điểm về cách sống, mẫu thuẫn ngày càng trầm trọng, bất đồng ngày càng lớn không thể hàn gắn tình cảm được, nên anh, chị đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Chị M làm đơn này yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 4 – An Giang giải quyết những vấn đề sau:

Về hôn nhân: Chị M yêu cầu Toà án tuyên bố không công nhận giữa chị và anh Viên Phước T là quan hệ vợ chồng.

Về con chung: Chị Mai Thị M và anh Viên Phước T có 01 con chung tên Mai Anh K, sinh ngày 12 tháng 10 năm 2022, chị Mai Thị M yêu cầu nuôi cháu Mai Anh K và không yêu cầu anh Viên Phước T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, nên chị Mai Thị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung; Không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn: Anh Viên Phước T có đơn xin xử vắng mặt: Theo biên bản hoà giải ngày 02 tháng 03 năm 2026 anh Viên Phước T trình bày: Anh Viên Phước T thừa nhận lời trình bày của chị Mai Thị M là hoàn toàn đúng và anh thống nhất những yêu cầu của chị Mai Thị M, anh không có ý kiến gì thêm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Mai Thị M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng với anh Viên Phước T và giải quyết việc nuôi con nên quan hệ tranh chấp của vụ án là "Tranh chấp về nuôi con, chia tài sản của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn hoặc khi huỷ kết hôn trái pháp luật" theo quy định tại khoản 7 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh Viên Phước T với tư cách là bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại xã H, tỉnh An Giang nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân Khu vực 4 – An Giang.

Anh Viên Phước T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Xét thấy, sự vắng mặt của anh V Phước Tài không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của anh, chị và không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Chị Mai Thị M và anh Viên Phước T tự tìm hiểu yêu thương nhau, được hai bên gia đình thống nhất tổ chức đám cưới vào năm 2020, chị M và anh T không có đăng ký kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc, anh, chị đã có 01 con chung tên Mai Anh K, sinh ngày 12 tháng 10 năm 2022. Đến khoảng đầu năm 2025 vợ chồng anh, chị thường hay bất đồng quan điểm về cách sống, mẫu thuẫn ngày càng trầm trọng, bất đồng ngày càng lớn không thể hàn gắn tình cảm được, nên anh, chị đã sống ly thân từ đó cho đến nay.

Do anh, chị không đăng ký kết hôn, cho nên pháp luật không công nhận anh, chị là vợ chồng. Bởi lẽ theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện… việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý". Tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "Nam nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng…". Do đó Hội đồng xét xử không công nhận chị M và anh T là vợ chồng là phù hợp với khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Xét về quan hệ con chung: Chị Mai Thị M và anh Viên Phước T có 01 con chung tên Mai Anh K, sinh ngày 12 tháng 10 năm 2022, cháu đang ở chung với chị M, xét thấy, Chị Mai Thị M và anh V Phước Tài không có tranh chấp về nuôi con và dưới sự chăm sóc, giáo dục của chị M hiện nay cháu K đang sinh sống ổn định và phát triển bình thường. Chị M yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu K là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Giao cháu K cho chị M tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành; trừ trường hợp thay đổi quyền nuôi con theo quy định của pháp luật. Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai có quyền ngăn cản.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị M có việc làm và có thu nhập ổn định, đủ điều kiện để nuôi dưỡng con, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không giải quyết.

[4] Xét về quan hệ tài sản chung: Chị Mai Thị M và anh Viên Phước T khai không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về nợ chung: Chị Mai Thị M và anh Viên Phước T xác định anh, chị không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Mai Thị M phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Áp dụng khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14 và các Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Mai Thị M về việc không công nhận giữa chị Mai Thi M1 và anh Viên Phước T là vợ chồng.

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Mai Thị M và anh Viên Phước T là vợ chồng.

2. Về quan hệ con chung: Giao chị Mai Thị M được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Mai Anh K.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Mai Thị M không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về quyền thăm nom chăm sóc con chung: Anh Viên Phước T có quyền thăm nom chăm sóc con chung, không ai được quyền cấm cản.

3. Về quan hệ tài sản chung: Chị Mai Thị M và anh Viên Phước T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ và cho vay nợ: Chị Mai Thị M và anh Viên Phước T khai không có. Do đó, khi nào phát sinh sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Mai Thị M phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số

tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 301502 ngày 12 tháng 02 năm 2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Theo đó chị Mai Thị M đã nộp xong án phí.

6. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh An Giang;
- VKS khu vực 4 – An Giang;
- Thi hành án dân sự tỉnh An Giang;
- UBND xã Hòn Đất, tỉnh An Giang;
- Đương sự;
- Lưu;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trương Thanh Toàn**